

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 32

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP

OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI

PHÉP ĂN CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng ăn chung bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi ăn chung giống như những kẻ dâm dật ở thế gian?

Cho đến Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ăn chung. Cùng ăn chung nghĩa là cùng ăn một bát. Còn thức ăn thì có năm món ăn chính và năm món ăn linh tinh nên đựng riêng ra mà ăn. Nếu không có bát thì nên dùng tô, chén để đựng. Nếu cũng không có tô, chén thì nên vò cơm thành viên bỏ trong bàn tay trái, dùng tay phải bốc ăn. Nếu cũng không thể được thì nên đặt bát trên cỏ, lá, rồi cùng bốc ăn. Không được dùng tay bốc ăn chung năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp. Nhưng nếu là bột, bánh, rau, trái thì cùng ăn chung không có tội. Nếu cùng ăn chung trong một bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó là phép cùng ăn chung.

PHÉP ĂN TRÊN BÀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy bàn ăn trong phòng của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà được vẽ nhiều màu sắc, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Cái bàn ăn này của ai mà được vẽ nhiều màu sắc thế này?
- Bạch Thế Tôn! Đó là bàn ăn của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.
- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trên bàn ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị mụn nhọt ở tay, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có được điều hòa, an lạc không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị mụn nhọt ở tay khiến bát bị vỡ mà Thế Tôn chế giới không cho ăn trên bàn nên không được an vui.

- Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn trên bàn nhưng không cho phép vẽ trên bàn nhiều màu sắc.

Nếu bàn ăn của Tăng vẽ nhiều màu sắc thì không có tội.

Nếu là bàn riêng thì chỉ nên dùng một màu. Tỳ-kheo bệnh ăn trên bàn, trước hết nên đứng chú tâm tưởng niệm rồi ăn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh thì hoàn toàn không cho ăn trên bàn.

Nếu vì già bệnh, hoặc mụn nhọt trên tay ra máu, hoặc bát nặng, hoặc đầy, hoặc nóng, hoặc lạnh thì được ăn trên bàn không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn trên bàn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép ăn trên bàn.

Kệ tóm tắt:

*Ăn tởi và phú bát
Kết khay cùng đai lưng
Ngồi xe, ngựa, ngồi chung
Ngồi cùng giường, ăn chung,
Bàn ăn nhiều màu sắc
Kết thúc phần thứ tám.*

VÌ MÌNH MÀ NGƯỜI TA GIẾT SÚC VẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi du hành phương xa rồi trở về thành Xá-vệ. Đến giờ khát thực, họ khoác y, cầm bát đi vào một nhà đàn-việt quen biết cũ tên là A-bạt-tra. Đàn-

việt thấy thầy liền chào:

- Chào sư phụ! Vì sao mà đã lâu lắm không thấy sư phụ đến?

- Này lão trượng! Đã lâu ngày tôi mới đến, vậy ông định đãi tôi món ngon vật lạ gì đây?

- Ngày mai con sẽ cúng dường trai phạn cho thầy!

- Ông đừng có cúng thức ăn của bọn thợ dệt.

- Thức ăn của thợ dệt là thứ gì?

- Tức là cơm hầm, canh đậu đó!

- Con không cúng cơm hầm, canh đậu cho thầy đâu, mà sẽ cúng cơm thịt.

- Ông đừng có cúng cho tôi thịt nguội.

- Con sẽ không cúng thịt nguội cho thầy, mà sẽ nấu nóng rồi mới cúng.

- Tôi nói thịt nóng không phải kiểu nóng như vậy.

- Vậy thì nóng như thế nào?

- Nghĩa là thịt của con vật vừa mới chết.

- Nếu thầy muốn như vậy thì ngày mai hãy đến sớm, con sẽ giết con vật trước mặt thầy rồi mới nấu nóng.

- Vâng.

Sáng sớm hôm sau, họ khoác y, cầm bát đi đến nhà ấy, đàn-việt bèn đem dê, heo, gà ra để la liệt trước mặt Tỳ-kheo, rồi giết thịt cúng dường. Khi ăn xong họ ra về, đàn-việt chê trách:

- Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện chỉ trích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, vậy mà vị Sa-môn này bảo người ta giết ngay trước mắt thì có khác gì mình tự giết!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. (Cho đến Phật nói) Vì sao các ông bảo người ta sát sinh ngay trước mặt? Từ nay về sau, Ta không cho phép thí chủ vì mình mà sát sinh. Vì mình mà sát sinh tức là vì Tỳ-kheo mà giết súc vật. Nếu thí chủ vì Tỳ-kheo mà giết súc vật thì tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được ăn. Cũng vậy, nếu họ vì Ưu-bà-di mà giết hại thì tất cả Tỳ-kheo không được ăn cho đến Ưu-bà-di cũng không được ăn. Vì người khác mà giết có ba trường hợp: thấy, nghe và nghi. Thấy nghĩa là chính mắt mình thấy họ giết vì mình thì không được ăn. Đó gọi là thấy.

Nghe nghĩa là chính tai mình nghe, hoặc nghe từ người khác rằng họ giết vì mình thì không được ăn. Nếu người thuật lại là kẻ không đáng tin, chỉ vì muốn nhiều loạn Tỳ-kheo thì không nên nghe họ nói mà nên nghe người đáng tin để xác định chắc chắn. Đó gọi là nghe. Nghi nghĩa là Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt thường thấy con dê, sau đó đến thì thấy đầu, chân dê trên đất; thấy vậy tâm sinh nghi nên hỏi: “Con dê trước thấy ở đây bây giờ đâu rồi?”. Nếu họ nói: “Tôi đã vì thầy mà làm thịt rồi”, thì không nên ăn. Nếu họ nói: “Thưa Tôn giả! Vì tôi giết để tế trời rồi ăn thịt mà ăn không hết nên cúng cho thầy”, thì được ăn. Đó gọi là nghi.

Cũng thế, tất cả mọi sinh vật hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi cũng đều như vậy.

Đó gọi là vì mình mà người ta giết súc vật.

THỊT NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc tên Tủy Ti, bà vợ cũng tên Tủy Ti, lại có một Tỳ-kheo khách cũng tên Tủy Ti. Ưu-bà-tắc nghe thế liền suy nghĩ: “Sư phụ cùng tên với ta, ta hãy đến mời thầy thọ trai”, bèn đi đến Tinh xá mời về nhà, sửa soạn các thức ẩm thực cúng dường. Đoạn, ông cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối chấp tay bạch:

- Kính xin Tôn giả nhận bốn sự cúng dường của con, là: y phục, ẩm thực, sàng tọa và thuốc chữa bệnh.

Tỳ-kheo nhận lời mời. Thế rồi, ông chồng phải theo khách buôn đi xa, bèn dặn dò bà vợ:

- Tôi đi xa, bà ở nhà phải lo cúng dường sư phụ chu đáo, chớ để thiếu thốn.

Sau khi ông đi rồi, vị Tỳ-kheo thấy trong người không điều hòa, muốn uống thuốc xổ, liền nói với Ưu-bà-di:

- Tôi muốn uống thuốc xổ, bà có thể tùy thời theo thứ tự lo giúp thức ăn được không?

- Dạ thưa được.

Sau khi thầy uống thuốc xổ, theo thứ tự bà cho dùng những thức ăn phù hợp với bệnh như cháo lỏng, cháo đặc rồi đến thịt. Bà lấy một số tiền đưa đũa tổ gái bảo:

- Người cầm số tiền này đi mua thịt đem về.

Đũa tổ gái bèn đi ra chợ, nhưng hôm đó nhằm ngày ăn chay không

có ai mổ thịt nên không mua được, phải về tay không. Lúc ấy, Ưu-bà-di lòng không vui, suy nghĩ: “Sư phụ uống thuốc, nếu không có thức ăn hợp với bệnh, sợ e bệnh nặng thêm”. Nghĩ thế, bà lấy hạt cải đem nghiền, rồi tẩm với dầu, đoạn đi vào phòng, dùng dao bén cắt thịt bấp vế đưa cho nữ tỳ, bảo:

- Người dùng dầu hạt cải rửa sạch miếng thịt này, rồi nấu chín đem đến cho thầy, hỏi thầy ngày mai cần thức ăn gì nữa?

Đưa nữ tỳ theo lời dạy, nấu thịt chín đưa đến, rồi hỏi thầy:

- Ngày mai thầy cần ăn món gì?

- Thôi đừng đem đến nữa.

Khi ấy, Ưu-bà-di bị vết thương đau đớn nên nằm nghỉ. Người chồng đi buôn trở về (không thấy bà vợ ra đón) liền nghĩ: “Thường khi ta đi xa về, bà vợ ra tận cửa thứ hai, thứ ba nghênh đón, hôm nay vì sao không thấy ra đón”. Đoạn, ông vào phòng, thấy bà vợ đang nằm trên giường liền nổi giận mắng:

- Vì sao người khinh ta không ra đón tiếp?

- Ông đi lần này có công đức gì mà muốn tôi phải ra nghênh đón?

- Ta đi chuyến này được cả trăm ngàn vạn bạc.

- Đó là thứ tài sản bên ngoài có gì là ghê gớm đâu! Còn tôi thì đã tự cắt thịt mình để cung cấp cho sư phụ.

- Bà cắt ở chỗ nào vậy?

Bà vợ liền vén y phục lên chỉ cho xem. Ông chồng thấy thế ngất xỉu, nằm sổng soãi trên đất. Lúc ấy, quỷ thần thấy vậy liền báo với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghe thế bèn nhập từ tam muội dùng định lực truyền cảm khiến bà vợ bình phục lại như trước. Đoạn, bà nói với chồng:

- Đứng dậy! Đứng dậy! Đừng sợ, nhờ uy thần của sư phụ mà vết thương của tôi đã bình phục rồi.

Người chồng đứng dậy thấy vết thương của vợ đã bình phục, lòng rất hoan hỷ, liền đi đến nơi thị tứ, nói như sau:

- Bà vợ tôi tinh tấn bằng cách cắt thịt trên mình để cúng dường.

Mọi người nghe thế, liền chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử ăn thịt người?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn! Vì con không nhập định (nên không biết).

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt người.

Lại nữa, khi Phật trú tại vườn Lộc dã Tiên nhân ở Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo mắc bệnh vàng da. Lương y nói với thầy:

- Nếu Tôn giả uống máu người thì có thể khỏi bệnh. Nếu không uống thì sẽ chết, không còn có phương kế nào khác.

Lúc ấy, có một người phạm vương pháp, bị bắt trói ngoặt hai tay ra sau lưng, mình khoác vòng hoa Ca-tỳ-la, lính đánh trống tuyên đọc án lệnh, dẫn đến pháp trường. Tỳ-kheo đến chỗ tên đao phủ nói:

- Nay tráng sĩ! Cho tôi uống máu của người này nhé!

Tên đao phủ nói:

- Nếu thầy muốn ăn thịt tôi cũng cho hưởng gì là máu!

Y liền đặt tội nhân ngồi dưới đất, lấy dao cắt mạch máu hai bên yết hầu cho máu chảy ra. Tỳ-kheo bèn dùng hai tay bụm lấy máu mà uống, bị người đời chê trách:

- Đây không phải là Tỳ-kheo mà là quỷ uống máu người.

Thế rồi, họ dùng gạch, đá, đất cục ném Tỳ-kheo đó đến què chân, khi ấy mới thoát được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Nay Tỳ-kheo! Đó là việc ác, yêu quý mạng sống của mình đến như vậy sao? Từ nay về sau Ta không cho phép uống máu người, cho đến tủy người; tất cả đều không được uống. Nếu Tỳ-kheo mọc mụn nhọt trên đầu mà thầy thuốc bảo phải mài xương người thoa mới lành thì được thoa. Nhưng khi đã thoa thì không được ở trong chúng mà nên ở trong một căn phòng nhỏ bên cạnh; đến khi khỏi bệnh phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

THỊT RỒNG

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, có một giống người chuyên ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng. Vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều. Khi ấy, có một Long nữ đến đứng trước giường của Thế Tôn, khóc lóc. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Vì sao mà người khóc?

- Bạch Thế Tôn! Có người ở Tỳ-xá-ly này ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng, vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều, kính xin Thế

Tôn dừng cho các Tỳ-kheo ăn thịt rỗng.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy, khiến Long nữ hoan hỷ rồi cáo lui. Đoạn, Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ra ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật chế định:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt rỗng, máu rỗng, xương rỗng, gân rỗng, tủy rỗng, nói chung tất cả đều không cho ăn. Nhưng nếu có các bệnh ngoài da cần xương rỗng thì được dùng xương rỗng mài thành bột để thoa, không có tội.

THỊT VOI

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, con voi của vua Bình-sa chết, có những bọn Chiên-đà-la ti tiện đem ăn thịt, trong các Tỳ-kheo, có người cũng ăn. Bấy giờ, đồng tử Kỳ Cự đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi của vua Bình-sa chết có những kẻ Chiên-đà-la ti tiện đem ăn thịt, các Tỳ-kheo có người cũng ăn mà Tỳ-kheo là người xuất gia được người ta kính trọng, vậy xin Thế Tôn dừng cho họ ăn thịt voi.

Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy khiến đồng tử được lợi ích, hoan hỷ liền cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật mà cáo lui. Khi ấy, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho ăn thịt voi cho đến tủy voi cũng không cho ăn. Nhưng dùng ngà voi, xương voi làm vật để kiến bát, làm khay y thì không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy con ngựa của vua Bình-sa chết, cũng như trường hợp con voi đã nói ở trên. Nếu ở ngoài da có bệnh ghẻ nhọt cần máu ngựa để bôi thì dùng để bôi không có tội. Nhưng khi đã bôi thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ ở bên cạnh phòng Tăng.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vì các Tỳ-kheo ăn thịt chó nên khi vào xóm làng bị các con chó chạy theo sủa vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt chó, tủy chó cũng đều không cho ăn. Nhưng nếu bị chó cắn cần đốt lông chó bôi vào vết thương thì được dùng, không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt quạ. Lúc thấy vào xóm làng khát thực, hoặc khi đi kinh hành trong rừng thì bầy quạ bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt quạ cũng như tử quạ v.v... đều không cho phép ăn. Nhưng nếu cần lông cánh dùng để trị bệnh ngoài da thì được dùng không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt điều hâu. Lúc thấy đi kinh hành trong rừng bị bầy điều hâu bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt điều hâu, cũng như tử điều hâu đều không được ăn. Nếu cần lông cánh trị bệnh ngoài da thì được phép dùng không có tội.

Tóm lại, các loại thực phẩm kể sau không được ăn:

1 Thịt người.

2 Thịt rồng.

3 Thịt voi.

4 Thịt ngựa.

5 Thịt chó.

6 Thịt quạ.

7 Thịt điều hâu.

8 Thịt heo.

9 Thịt khỉ.

10 Thịt sư tử và tử gồm các loại sống, chín, vỏ, lá tất cả đều không được ăn.

Nếu cần dùng tử để bôi vết thương ở ngoài da thì được dùng. Nhưng khi đã bôi thì không được vào trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ bên cạnh phòng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Đó gọi là phép dùng thịt, tử.

PHÉP DÙNG DA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến nhà một người chăn trâu, ngồi trên giường. Bỗng có con trâu ghé mới sinh thấy màu y của Tỳ-kheo giống mẹ nó, nó liền chạy đến bên thầy. Tỳ-kheo dùng tay xoa trên đầu, vuốt nhẹ nhẹ nói như sau:

- Da con này mềm mại, đẹp đẽ, có thể làm tọa cụ được.

Lúc ấy, người chăn trâu suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này vốn là chỗ quen biết của vua, đại thần quý hiển, có thế lực lớn đang muốn được tắm da con này”, liền hỏi:

- Thầy đang cần da sao? Tôi sẽ cho.

- Hãy cho tôi tắm da con trâu ghé này đây.

- Trong nhà tôi có tắm da khô của con trâu ghé cũng mềm mại, đẹp đẽ, tôi sẽ chải chuốt thẳng thớm rồi cho thầy.

- Nếu ông muốn cho thì hãy cho tôi tắm da con này chứ tôi không cần cái khác.

Lúc ấy, người chăn trâu liền suy nghĩ: “Vị Tỳ-kheo này có thế lực lớn, có thể gây ra điều bất lợi cho ta”. Vì sợ tai họa, ông ta liền giết con nghé trước mặt Tỳ-kheo, rồi lột da cho thầy. Lúc con trâu mẹ đi ăn trở về không thấy con mình, đi quanh các bờ rào kêu vang. Người chăn trâu liền oán trách:

- Sa-môn Thích tử mà không có lòng từ. Nếu Sa-môn ở vào hoàn cảnh con trâu mẹ thì tâm ý sẽ như thế nào?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Vì sao các ông bảo người ta giết sinh vật ngay trước mắt mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng da. Da gồm có các loại: da bò, da trâu, da cạp, da báo, da gấu, da nai; đại loại tất cả các loại da như vậy đều không được dùng để ngồi, chỉ cho phép dùng da dê ở biên địa thứ nô mà thôi. Da dê có hai loại: một là dê đen, hai là dê lang. Và dê đen, dê lang mỗi loại được chia làm mười thứ như trên kia đã nói. Nếu ngồi trên da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên nệm bông đặt trên da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da từ đầu gối trở lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhưng nếu từ đầu gối trở xuống thì không có tội. Hoặc dùng da làm giường ngồi lên trên thì không có tội. (Đó gọi là phép dùng da).

VẬT LAU CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sắm các vật để lau chân, đệ tử ngoại đạo thấy thế suy nghĩ: “Chúng ta hãy cùng nhau quấy nhiễu kẻ Ưu-bà-tắc kia” như trong vấn đề mặt vụn

ở trên đã nói rõ cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng các vật để làm đồ lau chân. Đồ lau chân hoặc vuông, hoặc tròn, nếu khắc trên chóp có hình hạt đậu ma sa, đậu môn cụ thì tất cả đều không cho dùng. Nếu dưới chân bị dơ bẩn thì được phép dùng cỏ vo tròn lại, hoặc dùng gạch, ngói để chùi. Đó gọi là vật dùng để lau chân.

----- THUỐC BÔI MẮT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, trai gái ra khỏi thành đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng màu xanh da trời và màu đen trang điểm đôi mắt nên bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những đồng tử quý hiển, dùng màu xanh da trời trang điểm đôi mắt?

Có người thấy trang điểm màu đen thì nói:

- Sa-môn Thích tử giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, dùng màu đen bôi lên mắt mà đi. Đây là hạng người bại hoại nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép trang điểm mắt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cự. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị đau mắt, đồng tử Kỳ Cự nói:

- Tôn giả có thể dùng loại thuốc này để bôi mắt.

- Đức Thế Tôn chế giới không cho phép bôi mắt.

- Tôi sẽ đến xin Thế Tôn cho phép việc này.

Thế rồi, ông đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo là những người ăn mỗi ngày một bữa, mắt là bộ phận trọng yếu của con người, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo bôi thuốc vào mắt.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng thuốc bôi mắt, chỉ trừ thuốc màu xanh da trời. Nhưng nếu thầy thuốc nói: “Thưa Tôn giả! Bệnh đau mắt này nếu được thuốc có màu xanh da trời bôi vào thì mới lành, ngoài ra không có phương kế nào khác”. Nếu như vậy thì được bôi. Khi đã bôi thuốc thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ cạnh phòng chúng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Đó gọi là thuốc bôi mắt.

LỌ ĐỰNG THUỐC NHỎ MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo dùng lá cây đựng thuốc nhỏ mắt, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?
- Đó là thuốc nhỏ mắt, bạch Thế Tôn!
- Thuốc nhỏ mắt là vật quý nên dùng lọ mà đựng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm lọ đựng thuốc. Phật dạy:

- Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả các vật báu làm lọ, mà nên dùng đồng, sắt, thiết, tre, lau, lông, cánh chim, ít nhất là làm bao da để đựng.

Đó gọi là lọ đựng thuốc nhỏ mắt.

QUE BÔI THUỐC VÀO MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo dùng tre làm que bôi thuốc vào mắt, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?
- Bạch Thế Tôn! Đó là cái que để bôi thuốc vào mắt.
- Đôi mắt là bộ phận mềm mại, nên dùng vật trơn để làm que.

Thế rồi, Tỳ-kheo dùng vàng bạc để làm. Phật dạy:

- Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả những bảo vật để làm, mà nên dùng đồng sắt, răng, xương, chiên đàn, gỗ cứng để làm, rồi bào chuốt cho trơn tru ít nhất là dùng ngón tay để bôi thuốc. Đó gọi là que bôi thuốc vào mắt.

PHÉP DÙNG Ô DÙ

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội của người đời, trai gái đi dự lễ, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm dù ô nhiều màu sắc, có người còn cầm ô dù bằng vỏ cây, bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử, đại thần cầm ô dù với nhiều màu sắc?

Có kẻ thấy họ cầm dù bằng lá cây thì nói:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cầm ô dù bằng lá cây mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến

Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng ô dù.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Trưởng lão A-na-luật, Kim-tỳ-la an cư tại núi tháp vừa xong, trở về thành Xá-vệ, lễ bái Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Vì sao trên y bị muối đóng bắn như vậy?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho phép đội dù, con đi khát thực bị mắc mưa nên mới ra nông nỗi này.

- Từ nay về sau, Ta cho phép đội dù. Các loại dù như dù bằng vỏ cây, dù bằng lá cây, dù tre, đại loại các thứ như thế đều cho phép dùng. Nhưng không cho phép dùng loại dù có nhiều màu sắc.

Đó gọi là phép dùng ô dù.

PHÉP DÙNG QUẠT

Vào ngày lễ hội của người đời, trai gái đi du ngoạn đông đảo, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu, có vị cầm quạt nan bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử đại thần cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu?

Có người thấy họ cầm quạt bằng nan liền phê bình:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện cầm quạt nan. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm quạt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì bị muỗi quấy rối trong phòng thiền, các Tỳ-kheo dùng y để quạt phát ra tiếng kêu. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Các ông làm gì mà phát ra tiếng kêu giống như voi vầy tai vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho dùng quạt, các Tỳ-kheo bị muỗi cắn phải dùng y quạt muỗi nên phát ra tiếng kêu như vậy.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng quạt tre, quạt sậy, quạt lá cây, chỉ trừ quạt vân mẫu và quạt được vẽ nhiều màu sắc. Nhưng nếu quạt của Tăng thì vẽ nhiều màu sắc không có tội. Còn quạt riêng cá nhân thì phải hoại sắc. Nếu có người dùng hương thơm bôi trên quạt rồi đem đến

cúng dường thì được phép chùi sạch rồi sử dụng.
Đó gọi là phép dùng quạt.

PHÉP DÙNG PHÁT TRẦN

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, nam nữ đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm phát trần bằng lông đuôi trâu trắng có cán nạm vàng bạc, bị người đời chê cười, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm phát trần bằng lông trâu trắng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì trong phòng thiền bị muỗi quấy rầy nên các Tỳ-kheo dùng phát trần bằng lá cây đập muỗi kêu ra tiếng. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Đó là tiếng gì vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cầm phát trần bằng lông trâu trắng nên các Tỳ-kheo dùng phát trần bằng lá cây đập muỗi mà phát ra tiếng.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng phát trần. Phát trần gồm các loại: Phát trần bằng chỉ sợi, bằng vải tua, bằng cỏ rơm, bằng vỏ cây. Trong đây chỉ trừ phát trần bằng đuôi trâu trắng, đuôi ngựa trắng có cán nạm vàng bạc, ngoài ra tất cả đều cho phép dùng. Nếu có màu trắng nên nhuộm cho hoại sắc thì được dùng. Khi cầm phát trần không được làm ra dáng ẻo lả như kiểu dâm nữ cầm phát trần.

Đó gọi là phép dùng phát trần.

Kệ tóm tắt:

*Giết cho mình, ăn thịt người,
Thuốc nhỏ mắt, lọ và que,
Da trâu cùng đồ lau chân,
Dùng ô dù và phát trần.
Phẩm thứ chín đến đây hết.*

PHÉP DÙNG DAO CHỮA TRỊ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo mắc bệnh trĩ, nói với thầy thuốc:

- Nay lão trượng! Ông có thể dùng dao chữa trị bệnh cho tôi được không?

- Thưa được.

Thế rồi, y sĩ liền suy nghĩ: “Các Sa-môn này thông minh trí tuệ nếu họ thấy ta chữa bệnh thì sẽ học lóm, rồi không cần ta nữa”. Đoạn ông ta bảo các Tỳ-kheo đi hết, rồi ông định làm điều phi pháp, thì vị Tỳ-kheo này sinh nghi, liền gọi các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão hãy đến, vị y sĩ này muốn làm điều phi pháp.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đi vào. Y sĩ khi ấy hoảng sợ bèn bỏ dao mà chạy. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Nay Tỳ-kheo! Vì sao ông để cho y sĩ dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng. Chỗ hệ trọng là nơi cách xung quanh hậu môn bốn lóng tay. Nếu bị bệnh ung thư, sảy càng thì Ta cho phép nhai gạo tiểu mạch trộn với phân gà đắp lên trên mụn để cho nung mủ, rồi nhờ bạn cùng Hòa thượng, A-xà-lê chích lể ra. Nếu các nơi khác bị bệnh ung thư, sảy càng cần dùng dao chữa trị thì được phép dùng. Nếu ai dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là dùng dao trị bệnh.

TÚI CHỨA NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo bệnh đau đầu bèn hỏi y sĩ:

- Nay lão trưởng! Ông có thể rót nước chữa bệnh cho tôi được không?

- Có thể được.

Thế rồi, ông suy nghĩ: “Các Sa-môn Thích tử này thông minh, trí tuệ, nếu thấy ta rót nước chữa bệnh thì về sau sẽ không gọi ta nữa”. Cho đến ông bỏ túi đựng nước mà chạy. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật khiển trách:

- Vì sao ông dùng túi rót nước trị bệnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng túi chứa nước. Túi gồm có các loại: túi da bò, túi da trâu, túi da dê. Tất cả các loại túi da như thế đều không được dùng để chứa nước. Nếu y sĩ nói: “Bệnh này cần dầu để tẩm”, thì nên lấy gỗ khoét đựng dầu vào dùng vải quấn lại đem đặt trong nhà tắm, ngồi lên trên, miệng ngậm mía. Hoặc dùng vải bông xếp lại rồi tẩm dầu vào, đặt trên một vật gì để chứa lỗ trống cho dầu nhỏ xuống chỗ bị đau thì không có

tội. Nếu dùng túi da đựng nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.
Đó gọi là túi chứa nước.

PHÉP CẠO TÓC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một khách buôn ở ấp Đại Lâm thuộc một nước ở phương Nam lừa đàn trâu tám con đến nước Câu Đà ở phương Bắc. Lại có một khách buôn khác cùng ông ta thả trâu ăn chung trong chằm. Lúc ấy, người Ly-xa bắt rồng ăn thịt, bắt được một Long nữ. Hôm ấy, Long nữ thọ Bồ-tát, không có tâm sát hại nên cứ để mặc người kia xỏ mũi dắt đi. Người khách buôn thấy hình dung Long nữ đoan chánh khởi lòng từ, bèn hỏi đồng tử Ly-xa:

- Ông dắt con rồng này đi đâu, định làm gì đấy?

- Tôi định giết để ăn thịt.

- Đừng giết, tôi sẽ đưa ông một con trâu đổi lấy con rồng này để thả đi.

Thế nhưng đồng tử Ly-xa không chịu, cuối cùng người kia chịu đổi tám con trâu, Ly-xa mới nói:

- Con rồng này thịt rất ngon, nay vì ông mà tôi phải thả nó.

Đoạn, y nhận lấy tám con trâu, thả Long nữ đi. Bỗng chốc, khách buôn suy nghĩ: “Kẻ này là người ác, e rằng y sẽ đuổi theo Long nữ để bắt lại”. Nghĩ thế, ông đi theo người ấy đến bên ao. Bấy giờ, Long nữ biến thành người, nói với khách buôn:

- Ông đã cứu mạng tôi, tôi muốn báo ân, ông hãy xuống long cung, tôi sẽ đền ân ông.

- Không thể được! Loài rồng của các người tâm tính hung bạo, giận dữ bất thường, biết đâu lại giết hại ta!

- Không có chuyện đó! Kẻ kia cột tôi, tôi dư sức giết y nhưng vì tôi thọ Bồ-tát nên không có tâm giết hại, huống gì nay ông đã cho tôi mạng sống mà tôi lại hại ông sao? Nếu ông không đi thì hãy dừng lại đây chốc lát để tôi vào trước trong cung tấu trình.

Thế rồi, Long nữ đi vào cung. Lúc ấy, trông thấy hai con rồng bị cột tại một chỗ trước long môn, người khách buôn liền hỏi chúng:

- Các người vì việc gì mà bị trói?

- Long nữ này trong nửa tháng thọ chay lạt ba ngày, anh em chúng tôi giữ gìn nó không cẩn thận khiến nó bị đồng tử Ly-xa bắt được, vì thế mà chúng tôi bị trói. Mong ông từ bi hãy nói giúp để họ thả chúng tôi. Ở long cung có loại thức ăn, ăn vào đến lúc chết mới tiêu hóa, có loại ăn

vào hai mươi năm sau mới tiêu hóa, có loại bảy năm mới tiêu hóa và có loại thức ăn của cõi Diêm-phù-đề. Nếu Long nữ hỏi ông muốn ăn loại thức ăn nào thì nên đòi thức ăn của loài người cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ vào tấu trình xong, bèn gọi khách buôn vào ngồi trên giường nệm châu báu, rồi thưa:

- Nay ông muốn ăn thức ăn gì? Muốn ăn một lần đến lúc chết mới tiêu hóa...?

- Muốn ăn thức ăn của loài người ở cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ dọn lên các thức ẩm thực. Khách buôn liền hỏi Long nữ:

- Hai con rồng kia vì sao mà bị trói?

- Ông chỉ nên ăn thôi, chứ hỏi làm gì?

- Không phải vậy, tôi muốn biết điều đó!

Ông cứ hỏi mãi, Long nữ đành phải nói:

- Kẻ này có lỗi, tôi muốn giết hắn.

- Người đừng giết.

- Không thể được! Phải giết đi thôi.

- Người thả hắn ra thì ta mới ăn.

- Không thể thả ngay được mà phải phạt hắn bằng cách đày lên cõi người sáu tháng.

Thế là Long nữ phạt hắn lên nhân gian sáu tháng. Khách buôn thấy long cung có nhiều bảo vật được dùng để trang hoàng cung điện, liền hỏi Long nữ:

- Người đã được những thứ trang nghiêm quý báu như vậy, còn thọ Bố-tát làm chi nữa?

- Cái kiếp rồng của tôi có năm sự khổ, đó là: Lúc sinh ra hiện thân rồng; lúc ngủ hiện thân rồng; lúc hành dâm hiện thân rồng; lúc giận dữ hiện thân rồng; lúc chết hiện thân rồng. Trong một ngày trải qua ba lần da thịt bị dính vào cát nóng thiêu thân.

- Thế thì người muốn cầu điều chi?

- Tôi muốn cầu được sinh làm người. Vì sao vậy? Vì trong loài súc sinh đau khổ, không có chánh pháp.

- Ta đã được thân người, vậy nên cầu điều gì?

- Xuất gia rất khó được (vậy nên cầu xuất gia).

- Nên theo ai xuất gia?

- Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiện nay đang ở tại thành Xá-vệ, những kẻ chưa độ thì Ngài cứu độ, những kẻ chưa giải thoát thì Ngài làm cho giải thoát, ông nên đến đó xuất gia.

- Ta muốn trở về.

Long nữ liền cho ông tám bánh vàng rồi bảo:

- Đây là vàng của rồng đủ cho cha mẹ, bà con ông dùng suốt đời không hết. Giờ ông hãy nhắm mắt lại.

Thế rồi, Long nữ dùng sức thần biến đưa ông trở lại cố quốc. Người bạn đồng hành của ông trước đây đã đến báo tin cho gia đình ông biết là ông đã xuống Long cung. Do thế, cha mẹ ông tưởng con mình đã chết cho nên quyến thuộc tôn thân tụ họp nhau một chỗ khóc lóc tiếc thương. Lúc ấy, người chăn trâu và những người đón củi thấy ông trở về, liền vội vàng đến báo tin cho gia đình ông:

- Mỗ giáp đã trở về rồi.

Người nhà nghe thế vô cùng hân hoan, liền ra đón tiếp đưa ông về nhà. Khi về nhà rồi, gia đình mở hội ăn mừng việc ông được sống lại. Thế rồi, ông lấy tám bánh vàng tặng cho cha mẹ, nói:

- Đây là vàng của rồng, cắt rồi liền nguyên lại, dùng suốt đời cũng không hết, xin cha mẹ cho phép con xuất gia.

Nhưng cha mẹ không cho. Ông liền đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, Tỳ-kheo bèn độ cho xuất gia. Cha mẹ sau đó đi đến cửa Tinh xá hỏi các Tỳ-kheo:

- Các vị có biết Mỗ giáp đâu không?

Tất cả đều đáp:

- Không thấy, không nghe.

Nhưng có một Tỳ-kheo nói:

- Ông chỉ cần đứng nơi cửa này, nếu có thì trong chốc lát y sẽ ra vào!

Nghe lời chỉ dẫn, người ấy đứng đợi một lát liền thấy con mình đi ra, bèn chê trách:

- Sa-môn Thích tử nói dối, thấy mà nói không thấy, nghe mà nói không nghe.

Người con khuyên cha mẹ:

- Đừng làm những việc không lợi ích. Con xuất gia ở đây ai cũng đều biết cả.

Thế rồi, cha mẹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi sang một bên. Phật liền thuyết pháp dạy bảo khiến họ được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Đoạn, họ nói với con:

- Chúng ta đều là những người được sống lại. Nay con xuất gia được lợi ích rất lớn.

Các Tỳ-kheo nghe những lời chê trách của họ vừa rồi đem sự việc

ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo đã độ người xuất gia đến. Khi thấy đến rồi, Phật hỏi:

- Nay Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông không bạch với chúng mà độ người xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép không bạch với chúng Tăng mà độ người xuất gia. Cần phải bạch khi cho xuất gia và khi cạo đầu. Bạch nghĩa là bạch với tất cả chúng Tăng, ít nhất là bạch với tám Thượng tọa. Và Thượng tọa nên bảo làm cho đúng pháp. Nếu bạch cạo đầu mà không bạch xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai đều có bạch thì không có tội. Nếu không bạch xuất gia cũng không bạch cạo đầu thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ra ngoài cương giới độ người thì không có tội. Đó gọi là cạo đầu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, thành Vương xá, Đức Như Lai độ người ở mọi nơi, nào là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, trưởng giả, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, các ông cũng nên độ người xuất gia, thọ Cụ túc.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cũng bắt chước Đức Như Lai gọi “Thiện lai” khi độ người xuất gia nhưng râu tóc vẫn còn nguyên vẹn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Đâu có phải tất cả đều được kim khẩu vô úy như Như Lai, (hễ khi gọi Thiện lai thì) râu tóc tự rụng. Từ nay về sau, phải cạo tóc.

Thế rồi, khi cạo tóc, các Tỳ-kheo cạo tóc mà không cạo râu, hoặc cạo râu mà không cạo tóc. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Phải cạo tất cả, khi cạo, trước nên cạo râu, sau cạo tóc. Nếu người được cạo khó tính thì cạo tóc trước không có tội. Đối với người mới xuất gia không nên nói với họ rằng xuất gia sướng mà nên bảo rằng xuất gia khổ, nào là: ăn ngày một bữa, ở mỗi chỗ một đêm, ngủ một giấc, ăn ít, uống ít, ngủ ít, thức nhiều. Nay lão trượng! Ông có làm được không? Nếu họ đáp: “Được”, thì mới cạo tóc. Nếu đã là Tỳ-kheo thì cạo tóc trước, cạo râu sau không có tội.

Đó gọi là cạo tóc.

DỤNG CỤ CẠO TÓC

Khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn, lúc ấy có hai cha con ông già mang dụng cụ theo xin xuất gia, cho đến Phật dạy:

- Vì sao người cạo tóc mang dụng cụ theo mà ông độ họ xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mang dụng cụ xuất gia. Nếu người cạo tóc mang dụng cụ theo muốn xin xuất gia thì nên bảo: “Ông hãy bỏ dụng cụ cạo tóc rồi tôi mới cho xuất gia. Sau khi xuất gia rồi nếu cần thì mượn của kẻ khác mà dùng”. Ngoài thợ cạo, thì thợ rèn, thợ mộc, thợ kim hoàn, thợ da, thợ dệt và các thợ chuyên môn khác cũng thế, đều không cho phép độ họ xuất gia khi mang dụng cụ theo. Nếu ai độ trong trường hợp như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là dụng cụ làm việc.

PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá Tăng, thế nào là phá Tăng?

- Nay Ưu-ba-ly! Như Đại đức Tỳ-kheo như pháp như luật khéo hiểu nghĩa lý sâu xa thì Tỳ-kheo ấy xứng đáng được lễ bái tôn kính tùy thuận nghe theo lời dạy. Nếu có Tỳ-kheo nào cho rằng những lời nói của Tỳ-kheo ấy là phi pháp, không tùy thuận thì đó là sự xích mích giữa chúng Tăng, chứ không phải phá Tăng, cho đến khi nào Tăng trong một trú xứ cùng tụng giới, cùng Yết-ma (thì không phải phá Tăng). Ta đã chế định rằng nếu trong một cương giới, một trú xứ mà Tăng Bối-tát, Tự tứ, làm Yết-ma riêng thì đó gọi là phá Tăng.

- Bạch Thế Tôn! Phá Tăng phạm tội như thế nào?

- Bị tội đọa vào địa ngục một kiếp.

Đó gọi là phá Tăng.

TĂNG HÒA HỢP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về Tăng hòa hợp, vậy thế nào gọi là Tăng hòa hợp?

- Ta đã chế định rằng nếu một Đại đức Tỳ-kheo sống như pháp, như luật, khéo hiểu nghĩa lý sâu xa, thì Tỳ-kheo ấy đáng được lễ bái,

tôn kính. Các Tỳ-kheo tùy thuận chấp hành các quy định, cùng sống trong một trú xứ cùng Bối-tát, Tự tứ và thực hiện pháp Yết-ma, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Lại nữa, Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tăng hòa hợp có những công đức gì?

- Nay Ưu-ba-ly! Được quả báo lành trong một kiếp.

Đó gọi là Tăng hòa hợp.

NĂM TRĂM TỖ-KHEO KẾT TẬP PHÁP TẠNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, vua A-xà-thế con bà Vi-Đề-Hy có mối oán thù với người Tỳ-xá-ly như trong Kinh Đại Bát Nê Hoàn đã nói rõ, cho đến việc Đức Thế Tôn xả thọ mạng bên tháp Phóng Cung Trượng, tại Tỳ-xá-ly. Thế rồi, Ngài hướng đến thành Câu-thi-na, bên dòng sông Hy-liên-thiền, sinh quán của lực sĩ, trong rừng Kiên cố bát Nê-hoàn dưới cây Song thọ. Khi sắp Hỏa-thiêu nơi tháp Thiên Quan thì chư Thiên làm cho lửa không cháy để chờ Tôn giả Đại Ca-diếp. Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp đang ngồi thiền trong hang Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, liền suy nghĩ: “Thế Tôn đã xả thọ mạng, không biết muốn nhập Niết-bàn tại nơi nào? Hiện giờ ở đâu? Có ít bệnh, ít phiền não và sống an lạc không?”. Suy nghĩ thế rồi, liền nhập định, dùng thiên nhãn quan sát tất cả thế giới thì thấy Thế Tôn đang ở thành Câu-thi-na, bên sông Hi-liên, sinh quán của lực sĩ trong rừng Kiên cố, giữa hai cây Song thọ, sắp được Hỏa-thiêu tại tháp Thiên Quan, (cho đến) lửa không cháy. Thấy thế, Tôn giả buồn thảm không vui, lại suy nghĩ: “Ngay lúc xá-lợi của Thế Tôn chưa phân tán, ta nên đến đánh lễ”. Đoạn, Tôn giả lại nghĩ: “Giờ đây ta đến để viếng thân tối hậu của Thế Tôn thì không nên dùng thần túc để đến mà nên đi bộ đến”. Nghĩ thế, Tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, ai nấy đều mang theo y bát cùng đến Câu-thi-na-kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đều đáp:

- Lành thay!

Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với các Tỳ-kheo đi đến Câu-thi-na-kiệt. Trên đường đi, họ băng qua một thôn xóm. Trong thôn này có một Tỳ-kheo già đang sống. Tôn giả Đại Ca-diếp liền bảo Tỳ-kheo già:

- Thầy hãy đem theo y bát đến đây, để chúng ta cùng đến thành Câu-thi-na-kiệt lễ viếng Thế Tôn.

- Trưởng lão Đại Ca-diếp! Đợi ăn bữa trước, bữa sau xong rồi chúng ta hãy đi.

- Không nên chờ ăn xong.

Tỳ-kheo già nài nỉ đến ba lần, Đại Ca-diếp đều nói:

- Không nên chờ.

Khi ấy, Tỳ-kheo già nổi giận, nói:

- Sa-môn có việc gì mà gấp gáp, vội vàng như thế, giống như quạ chết không đáng giá một đồng tiền. Hãy đợi trong chốc lát ăn rồi mới đi.

Tôn giả Đại Ca-diếp lại nói:

- Hãy để đồ ăn đó đã. Đức Thế Tôn nay đã Nê-hoàn, chúng ta phải đến gấp cho kịp lúc chưa Hỏa-thiêu.

Tỳ-kheo già nghe tin Phật đã bát Nê-hoàn, liền nói với Tôn giả Đại Ca-diếp:

- Nay ta vĩnh viễn được giải thoát. Vì sao thế? Vì vị A-la-hán ấy lúc còn sống thường nói: “Việc ấy nên làm, việc kia không nên làm”. Nay đã Nê-hoàn việc gì nên làm hay không nên làm ta đều được tự do tùy ý.

Khi nghe lời nói ấy, Đại Ca-diếp sầu thảm không vui, liền gảy ngón tay phải, lửa phóng ra, đồng thời chân phải mím chặt trên đất. Tỳ-kheo già thấy thế hoảng sợ, bỏ chạy. Thế rồi, Đại Ca-diếp đi đến chỗ Phật. Thế Tôn liền (490b) đưa hai chân từ trong kim quan ra ngoài. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp thấy được chân Phật, liền trật vai áo bên phải, cúi đầu đánh lễ, rồi đọc kệ:

*Chân Như Lai đây đặn,
Hiện bánh xe ngàn cãm.
Ngón dài nhọn mềm mại,
Hình mạng lưới cấu thành.
Vì thế hôm nay con
Đánh lễ chân Tối thắng.
Chân mềm mại tối thắng,
Từng du hành thế gian.
Đại bi cứu chúng sinh,
Từ nay không gặp nữa.
Vì thế hôm nay con
Đánh lễ chân Như Lai.*

Như Lai cứu độ con,
 Đạt Ứng chân giải thoát.
 Nay con nhìn lần cuối,
 Vĩnh viễn không gặp nữa.
 Đã đoạn mọi nghi hoặc,
 Bạc Ly dục Tối thượng.
 Làm lợi ích mọi loài
 Tất cả đều hoan hỷ.
 Vì thế hôm nay con
 Đánh lễ chân Tối thắng.
 Đức hạnh Phật như vậy,
 Khéo đáp mọi nghi ngờ.
 Ngày hôm nay đã qua
 Ánh từ quang vĩnh diệt.
 Vì thế hôm nay con,
 Đánh lễ chân Tối thắng.
 Con chứng bốn chân lý,
 Nói công đức của Phật.
 Đọc kệ lễ kính xong,
 Hai chân liền thu vào.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bàn bạc: “Ai nên châm lửa thiêu đây?” Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

- Tôi là trưởng tử của Thế Tôn, nên để tôi châm lửa thiêu.

Thế là đại chúng đồng thanh nói: “Tốt lắm”, liền hỏa-thiêu. Khi Hỏa-thiêu xong, Ca-diếp nhớ lại lời nói của vị Tỳ-kheo già ở trong thôn, cho đến: “Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi”, Tôn giả liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Trưởng lão! Vấn đề xá-lợi của Thế Tôn không phải là việc của chúng ta mà quốc vương, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, những người cầu phước tự họ sẽ lo việc cúng dường. Việc của chúng ta trước hết là phải kết tập pháp tạng chớ để pháp Phật sớm diệt.

Mọi người bàn:

- Chúng ta nên kết tập Pháp tạng chỗ nào?

Lúc ấy, có người bàn: “Nên đến Xá-vệ”; có người nói: “Nên đến Sa kỳ”; có người nói: “Nên đến Chiêm-bà”; có người nói: “Nên đến Tỳ-xá-ly”; có người lại nói: “Nên đến Ca-duy-la-vệ”.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đề nghị:

- Nên đến thành Vương xá kết tập pháp tạng. Vì sao thế? Vì Đức

Thế Tôn đã di chúc: Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi ở thành Vương xá là bậc có tín căn đệ nhất trong hàng Ưu-bà-tắc của các Thanh văn. Và lại, vị vua ấy có năm trăm chiếc giường nằm để cung cấp, nên đến chỗ vị ấy.

Nghe thế, tất cả đều đáp:

- Vâng.

Đức Thế Tôn trước kia có dặn Tôn giả A-na-luật: “Khi Như Lai bát Nê-hoàn ông nên giữ gìn xá-lợi đừng để chư Thiên đem đi. Bởi vì trong thời quá khứ Đức Như Lai bát Nê-hoàn, chư Thiên đem xá-lợi đi, khiến người đời không thể đến đó chiêm bái được, nên mất công đức. chư Thiên có thể đến nhân gian cúng dường, nhưng người đời không thể đến chỗ họ, ngoại trừ người có thần túc; vì thế phải giữ gìn cẩn thận”.

Bấy giờ, thị giả A-nan vì bận việc cúng dường nên không đến được. Đại Ca-diếp cùng với một ngàn Tỳ-kheo đi đến thành Vương xá, tới trong hang núi Sát Đế, trải giường nệm, trang trí tòa của Thế Tôn. Ở phía trước, bên trái tòa Thế Tôn đặt tòa của Tôn giả Xá-lợi-phất, ở bên phải đặt tòa của Tôn giả Đại Mục-liên, kế đến đặt tòa của Đại Ca-diếp, cứ như vậy lần lượt theo thứ tự bài trí giường nệm rồi chuẩn bị những nhu yếu cần thiết trong bốn tháng. Vì mục đích kết tập pháp tạng cho nên cắt đứt các ngoại duyên. Khi đại chúng tập hợp xong, trong số đó có người đạt được ba minh, sáu thông giới đức tự tại. Trong những người này, có người trực tiếp thọ giáo với Thế Tôn, đọc thuộc một bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc một bộ Luật; có người thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn đọc thuộc hai bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc hai bộ Luật. Thế rồi, đại chúng cùng bàn bạc:

- Ở trong này nên chọn những vị đạt được ba minh, sáu thông, có giới đức tự tại, từng thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn tụng thuộc hai bộ Luật, từng theo chúng Thanh văn tụng thuộc hai bộ Luật.

Khi chọn lựa xong, đếm lại thì thấy thiếu hai người mới đủ số năm trăm, đại chúng bàn tiếp:

- Nên chọn đủ năm trăm người.

Thế rồi, Trưởng lão A-na-luật đi đến bổ sung thêm nhưng vẫn thiếu một người. Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp làm Thượng tọa thứ nhất, Thượng tọa thứ hai tên Na-đầu-lô, Thượng tọa thứ ba tên Ưu-ba-na-đầu-lô. Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp tự lên ngôi tòa của mình, để trống tòa của Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên và A-nan. Thế rồi, các Tỳ-kheo lần lượt ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bảo Trưởng lão Lê-bà-đề đệ tử

đồng hành của Tôn giả Mục-liên:

- Ông hãy lên cõi trời Ba mươi ba gọi Tỳ-kheo Tỳ-đề-na đến, nói: “Đức Thế Tôn đã bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập họp định kết tập Pháp tạng”.

Thầy liền vâng lệnh, đi đến cõi trời Ba mươi ba, bạch:

- Thưa Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập họp định kết tập Pháp tạng nên sai tôi đến gọi Trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo này nghe xong sâu thăm, không vui, bèn hỏi:

- Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn rồi sao?

- Thưa vâng.

- Nếu Đức Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn thì con mắt của thế gian đã hoại diệt.

Thầy nói xong, dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội tự thiêu thân. Vị sứ giả thấy vậy trở về, vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên, cho đến đoạn: Nhập Hỏa quang tam muội. Thế rồi, Tăng lại sai thầy lên cung Thi-lợi-sa-sí, cõi trời Ba mươi ba gọi Kiềuphạm-ba-đề; lần lượt đến Trưởng lão Thiện Kiến ở Hương Sơn; Trưởng lão Phả-đầu-tỷ-na ở Du Hí Sơn; Trưởng lão Bạt-khư-lê ở Chiêm-ba Sơn; rồi đến Trưởng lão Uất-đa-la ở Tịnh Sơn; đệ tử của Tôn giả Mục-liên tên Đại Quang ở Quang Sơn; đệ tử của Tôn giả Xá-lợi-phất tên Ma-tẩu-lô ở Mạn Đà Sơn; Tôn giả La-đổ ở Ma La Sơn. Các vị ấy, khi nghe gọi đều Bát Nê-hoàn. Đồng thời Tăng sai sứ giả đến Thiên cung Tỳ-sa-môn gọi Tu-mật-đa. Sứ giả đến nơi thưa:

- Thưa Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo đang tập họp định kết tập pháp tạng, cho tôi đến gọi Trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe xong sâu thăm, không vui, nói:

- Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn rồi sao?

- Thưa vâng!

- Nếu Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn tức là con mắt của thế gian đã diệt mất.

Nói xong, thầy dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội, tự thiêu thân, nhập vào Niết-bàn. Bấy giờ, sứ giả liền trở về vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên cho chư Tăng nghe. Đại Ca-diếp liền nói:

- Nay các Trưởng lão! Hãy thôi, đừng gọi những người khác nữa. Những ai nghe gọi đều tự nhập Niết-bàn, nếu cứ gọi tiếp thì họ sẽ nhập Niết-bàn hết, như thế thì phước điền của cõi đời này sẽ thành ra trống không.

Có một Tỳ-kheo nói:

- Thưa các Trưởng lão! Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, từng thân cận thọ giáo. Hơn nữa Đức Thế Tôn từng phú chúc rằng A-nan có ba việc đặc biệt, nên gọi thầy đến.

Đại Ca-diếp nói:

- Không phải vậy! Nếu như người còn đang học này vào trong chúng Vô học có giới đức tự tại thì cũng như con chó ghẻ vào giữa bầy sư tử.

Lúc này, Tôn giả A-nan sắp xếp việc cúng dường vừa xong, đi đến một thôn, rồi thầm nhủ: “Hôm nay ta nghỉ lại đây, ngày mai sẽ đến thành Xá-vệ”. Thế rồi, có một vị trời đến nói với A-nan:

- Đại Ca-diếp nói Tôn giả là con chó ghẻ.

A-nan bèn suy nghĩ: “Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, chính lúc này, ta cần người để nương tựa, vì sao lại ví ta như con chó ghẻ?”.

Nghĩ thế nên lòng không vui, rồi thầy lại nghĩ: “Tôn giả Đại Ca-diếp này biết quá rõ dòng dõi tên tuổi của ta, vì cho rằng ta chưa đoạn trừ hết kiết sử nên mới nói như vậy”.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan càng siêng năng gấp bội đi kinh hành không biếng nhác, mong hết sạch hữu lậu nên hành đạo cực khổ. Hơn nữa, vì Thế Tôn Nê-hoàn khiến thầy mang nỗi buồn da diết trong lòng, đồng thời những gì trước đây đã nghe và thu nhận thì chưa thấu triệt, nên lại nghĩ ngợi: “Đức Thế Tôn đã phú chúc rằng đối với giáo pháp này tâm ta không phóng dật sẽ dứt sạch hữu lậu, vậy thì phải cực khổ quá làm gì!”. Thế nhưng tâm thầy vẫn không xả định, nghiêng mình định nằm xuống, đầu chưa chấm gối thì sạch hết hữu lậu, đạt được ba minh, sáu thông có sức lực tự tại. Thầy liền dùng thần túc nương theo hư không mà đi, đến ngoài cửa hang Sát đế, đọc kệ:

*Đa văn và biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
A-nan con Cù-đàm
Giờ đang đứng ngoài cửa.*

Thế nhưng, đại chúng vẫn chưa mở cửa cho thầy, nên thầy lại đọc kệ tiếp:

*Đa văn khéo biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
Đã bỏ gánh kiết sử,
Con Cù-đàm ngoài này.*

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đọc kệ:

*Ông nói mình đã chứng,
Đã bỏ gánh phiền não.
Con Cù-đàm chuta vào,
Vào đi con Cù-đàm!*

A-nan vào xong, đánh lễ tòa của Thế Tôn, rồi tuân tự đánh lễ các Thượng tọa, đoạn, đến ngồi tòa của mình. Khi ấy, Đại Ca-diếp nói với A-nan:

- Tôi không tự cao cũng không khinh ông, chỉ vì ông cầu đạo không tiến bộ, muốn cho ông tinh cần diệt hết các hữu lậu cho nên mới nói lời ấy.

- Tôi cũng biết! Chỉ vì tôi chưa hết kiết sử, muốn cho tôi tinh cần diệt hết các hữu lậu (nên Tôn giả mới nói như vậy).

Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp liền hỏi chúng Tăng đang ngồi:

- Giờ đây nên kết tập tạng nào trước?

- Nên kết tập tạng Pháp (Kinh) trước.

- Nên cử ai kết tập?

- Nên cử Trưởng lão A-nan.

A-nan liền nói:

- Không nên làm như vậy vì còn có nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Đại chúng lại nói:

- Tuy có nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng Đức Thế Tôn đã phú chúc thầy là người đa văn bậc nhất, do đó thầy nên kết tập.

- Nếu các Trưởng lão đề cử tôi kết tập thì điều gì như pháp nên hoan hỷ, điều gì không như pháp nên ngăn cản, điều gì không tương ứng cũng nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi mà không ngăn cản. Nói chung, điều gì đúng nghĩa, điều gì không đúng nghĩa đều xin chỉ giáo.

- Trưởng lão A-nan! Thầy chỉ cần kết tập Pháp tạng, điều gì như pháp thì Tăng tùy hỷ, điều gì phi pháp thì đến lúc đó sẽ biết.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bèn suy nghĩ: “Bây giờ ta phải kết tập pháp tạng như thế nào đây?”. Suy nghĩ thế rồi, thầy liền đọc lời kinh:

Tôi nghe như vậy, một thời Phật ở tại Uất Tỳ La, bên dòng sông Ni Liên, nơi Bồ-đề Mạn-đà-la”. Khi Tôn giả A-nan vừa nói lời ấy thì năm trăm vị A-la-hán có đức hạnh tự tại liền bay lên hư không đồng thanh khen ngợi:

- Chúng con đã được tận mắt thấy Thế Tôn, giờ đây lại được nghe lời dạy, rồi cùng niệm: “Nam mô Phật”, đoạn trở lại chỗ ngồi.

Bây giờ, A-nan liền đọc kệ sau đây:

*Siêng tu tập thiền định,
 Thấy các pháp sinh diệt.
 Biết pháp từ duyên khởi,
 Là si, diệt phiền não.
 Siêng tu tập thiền định,
 Thấy các pháp sinh diệt.
 Biết pháp từ duyên khởi,
 Chứng các pháp diệt tận.
 Siêng tu tập thiền định,
 Thấy các pháp sinh diệt.
 Biết pháp từ duyên khởi,
 Hàng phục đám ma quân.
 Siêng tu tập thiền định,
 Thấy các pháp sinh diệt.
 Biết pháp từ duyên khởi
 Ánh dương xua bóng đêm.*

Tôn giả A-nan đọc tất cả pháp tạng như vậy. Những câu văn dài kết tập thành Trường A Hàm. Những câu văn trung bình kết tập thành Trung A Hàm. Những câu văn linh tinh kết tập thành Tạp A Hàm, chẳng hạn như căn tạp, lực tạp, giác tạp, đạo tạp, đại loại như thế gọi là tạp. Từ một tăng lên hai, tăng lên ba cho đến tăng lên một trăm, tùy theo số loại tương tự nhau kết tập thành Tăng Nhất A Hàm. Tạp tạng bao gồm Phật-bích-chi, A-la-hán, tự thuyết, bản hạnh, nhân duyên, các kệ tụng, đại loại như vậy gọi là Tạp tạng.

Khi ấy, Trưởng lão A-nan liền đọc kệ:

*Đây chính là tám vạn pháp tạng,
 Các pháp này được nghe từ Phật.
 Đây chính là tám vạn pháp tạng,
 Các pháp này nghe từ người khác.
 Các pháp này tôi giữ vẹn toàn,
 Chính Phật dạy đường đến Niết-bàn.
 Đó gọi là kết tập Pháp tạng.*

Tiếp đến, đại chúng hỏi:

- Ai có thể kết tập Luật tạng?

Có người nói:

- Trưởng lão Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly liền lên tiếng:

- Không thể như vậy vì còn có những Trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Có người lại nói:

- Tuy có những Trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng Đức Thế Tôn đã phú chúc Trưởng lão thành tựu mười bốn pháp, trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra thì Trưởng lão là người trì Luật bậc nhất.

Ưu-ba-ly nói:

- Thưa các Trưởng lão! Nếu bảo tôi kết tập Luật tạng thì điều gì như pháp hãy tùy hỷ, điều gì không như pháp hãy ngăn cản; nếu điều gì không tương ứng thì nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi (mà bỏ qua); đồng thời điều nào đúng nghĩa, trái nghĩa cũng đều xin chỉ giáo.

Thế rồi, tất cả đều nói:

- Trưởng lão Ưu-ba-ly chỉ lo việc kết tập, điều gì như pháp thì chúng tôi tùy hỷ, điều gì phi pháp thì lúc đó sẽ biết.

Tôn giả Ưu-ba-ly suy nghĩ: “Hôm nay ta kết tập Luật tạng như thế nào đây”? Đối với năm pháp thanh tịnh mà như pháp, như Luật thì tùy hỷ, còn không như pháp như Luật thì nên bỏ ra ngoài. Năm pháp thanh tịnh:

1. Hạn chế tịnh.
2. Phương pháp tịnh.
3. Giới hạnh tịnh.
4. Trưởng lão tịnh.
5. Phong tục tịnh.

1. Hạn chế tịnh: Tại trú xứ của các Tỳ-kheo đặt ra các hạn chế rằng điều gì tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là hạn chế tịnh.

2. Phương pháp tịnh: Đối với những luật pháp của quốc gia, điều gì tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là phương pháp tịnh.

3. Giới hạnh tịnh: Khi ta thấy Tỳ-kheo Mỗ giáp trì giới làm việc đó mà tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, nếu không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là giới hạnh tịnh.

4. Trưởng lão tịnh: Nếu ta thấy Trưởng lão Tỳ-kheo, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên làm việc đó mà tương ứng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ứng thì bỏ. Đó gọi là Trưởng lão tịnh.

5. Phong tục tịnh: Không được làm những việc như khi còn thế tục, chẳng hạn ăn phi thời, uống rượu, hành dâm; tất cả những việc như vậy hợp pháp đối với thế tục nhưng không hợp pháp đối với người xuất gia. Đó gọi là phong tục tịnh.

Thưa các Trưởng lão! Những điều như thế nếu đúng pháp thì xin

tùy hỷ, nếu không đúng pháp thì xin lên tiếng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền đáp:

- Nếu tương ứng thì dùng, nếu không tương ứng thì lúc ấy sẽ ngăn cản.

Thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

- Trưởng lão có tội, phải sám hối với chúng Tăng thanh tịnh.

- Tôi có những tội gì?

- Đức Thế Tôn đến ba lần chế định không cho phép độ người nữ xuất gia mà thầy xin Thế Tôn đến ba lần, thế là phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp bèn ném một cái thẻ xuống đất, nói:

- Đây là thẻ thứ nhất.

Tức thì chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, Ngài nói:

“Này A-nan! Ta ở Ban Lạc phóng cung trượng tháp tại Tỳ-xá-ly này rất an lạc; nếu ai được bốn thần túc thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp; nếu Phật ở đời thì người đời sẽ được thấy”, thì thầy nói: “Như vậy đó Thế Tôn! Như vậy đó Tu-già-đà”, mà không thỉnh Phật trụ thế nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ hai.

Lại nữa, khi may y Tăng-già-lê cho Thế Tôn, thầy đã dùng ngón chân phải đạp trên y, há thầy không biết rằng y Tăng-già-lê này là bảo tháp mà chư Thiên, người đời nên cúng dường hay sao? Vì thế phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ ba.

Lại nữa, Phật nói: “Này A-nan! Hãy đi lấy nước”, nói như vậy đến ba lần mà thầy không lấy nước cho Thế Tôn, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ tư.

Lại nữa, Phật nói: “A-nan, khi Ta sắp nhập Niết-bàn nên nói với Ta, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo bỏ những giới vi tế”, nhưng thầy không bạch nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ năm.

Lại nữa, khi Phật bát Nê-hoàn, thầy để mã âm tàng của Phật cho Tỳ-kheo ni xem, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ sáu.

Lại nữa, khi Phật bát Nê-hoàn, các lão mẫu của lực sĩ đến khóc khiến nước mắt nhỏ trên chân Thế Tôn, thầy là thị giả mà không ngăn cản nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ bảy.

Lúc ấy, A-nan không nhận hai tội, nói như sau:

- Thưa Trưởng lão! Chư Phật quá khứ đều có bốn chúng, vì thế tôi

thỉnh Phật độ Tỳ-kheo ni đến ba lần. Còn khi Phật ở Tỳ-xá-ly, ba lần báo cho biết mà tôi không thỉnh Phật trụ thế là vì lúc ấy tôi là người còn đang học, bị ma che mờ cho nên không thỉnh. Ở đây tôi chỉ phạm năm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, Trưởng lão (sám hối) đúng như pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly liền bạch với đại chúng:

- Thưa các Trưởng lão! Đây là thứ tự của chín pháp:

1. Ba-la-di.
2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Hai pháp Bất định.
4. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ.
5. Chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.
6. Bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni.
7. Pháp chúng học.
8. Bảy pháp Diệt tránh.
9. Pháp tùy thuận.

Đức Thế Tôn tại chỗ vì Tỳ-kheo Mỗ giáp, chế những giới này phải không?

Bấy giờ, đại chúng cùng đáp:

- Đúng như vậy Ưu-ba-ly! Đúng như vậy Ưu-ba-ly.

Ưu-ba-ly tiếp:

- Trong Luật có ghi lại năm việc sau đây:

1. Tu đa la.
2. Tỳ-ni.
3. Nghĩa.
4. Giáo.
5. Khinh trọng.

1. *Tu đa la*: Chỉ cho năm bộ Kinh.

2. *Tỳ-ni*: Tức hai bộ Luật rộng và hẹp.

3. *Nghĩa*: Ý nghĩa của từng câu.

4. *Giáo*: Bốn giáo lý cơ bản mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho Sát-lợi, Bà-la-môn và cư sĩ.

5. *Khinh trọng*: Lấy trộm đủ năm tiền là nặng, dưới năm tiền là nhẹ, phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là năm việc mà Luật đã ghi lại. Các Trưởng lão nên học như vậy.

Lại có năm điều luật nữa là:

1. Lược Tỳ-ni.

2. Quảng Tỳ-ni.
3. Phương diện Tỳ-ni.
4. Kiên cố Tỳ-ni.
5. Ứng pháp Tỳ-ni.

1. *Lược Tỳ-ni*: Tức năm thiên giới.

2. *Quảng Tỳ-ni*: Tức hai bộ Luật.

3. *Phương diện Tỳ-ni*: Tại Thâu nô biên địa cho phép năm thầy được truyền giới Tỳ-kheo.

4. *Kiên cố Tỳ-ni*: Khi thọ y Ca-hi-na được bỏ năm việc, từ biệt chúng thực cho đến khi đi đâu không cần thưa với người cùng ăn chung với mình.

5. *Ứng pháp Tỳ-ni*: Trong đây Yết-ma đúng pháp và Yết-ma hòa hợp, đó gọi là làm đúng giới luật. Còn những cách khác là phi Yết-ma (Yết-ma phi pháp).

Thưa các Trưởng lão, đến đây là kết tập Luật tạng hoàn tất.

Thế rồi, đại chúng bèn gọi một ngàn Tỳ-kheo ở ngoài vào, nói:

- Thưa các Trưởng lão! Như thế này là tạng pháp (Kinh) đã được kết tập, như thế này là tạng Luật đã được kết tập.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo nói:

- Thưa các Trưởng lão! Đức Thế Tôn trước kia đã nói với A-nan Ngài muốn vì các Tỳ-kheo bỏ bớt một số giới nhỏ nhặt, vậy bỏ những giới nào?

Có Tỳ-kheo nói:

- Nếu Đức Thế Tôn muốn bỏ bớt các giới nhỏ nhặt thì nên bỏ oai nghi.

Có Tỳ-kheo nói:

- Không những bỏ oai nghi mà nên bỏ pháp Chúng học.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả hai pháp Bất định.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói:

- Thưa các Trưởng lão! Nếu như Thế Tôn còn tại thế thì nên bỏ hết tất cả.

Đại Ca-diếp oai nghi nghiêm chỉnh giống như Thế Tôn, liền nói như sau:

- Ôi! Ôi! Đừng nói lời ấy.

Tức thời tất cả đại chúng đều im lặng. Đại Ca-diếp liền tiếp:

- Nay các Trưởng lão! Nếu đã chế định rồi lại mở ra thì sẽ khiến cho người ngoài nói: “Khi Cù-đàm còn ở đời nghi pháp hưng thịnh, ngày nay đã Nê-hoàn, giáo pháp suy đồi”. Thưa các Trưởng lão! Những gì chưa chế thì đừng chế thêm nữa, những gì đã chế thì chúng ta nên tùy thuận học tập.

- Thế nhưng các pháp này được nghe từ ai?

- Được nghe từ Tôn giả Đạo Lực về Luật, Luận, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Trung A Hàm, Trường A Hàm.

- Thế thì Đạo Lực nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la.

- Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Thắng.

- Pháp Thắng nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Tăng-già-đề-bà.

- Tăng-già-đề-bà nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Long Giác.

- Long Giác nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Tiên.

- Pháp Tiên nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Đề-na-già.

- Đề-na-già nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Hộ.

- Pháp Hộ nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Kỳ-bà-già.

- Kỳ-bà-già nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Phất-đề-la.

- Phất-đề-la nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Da-xá.

- Da-xá nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Sai-đà.

- Sai-đà nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Hộ Mạng.

- Hộ Mạng nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Thiện Hộ.

- Thiện Hộ nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Ngưu Hộ.
 - Ngưu Hộ nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Cự-xá-la.
 - Cự-xá-la nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Ma-câu-đa.
 - Ma-câu-đa nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Ma-ha-na.
 - Ma-ha-na nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Năng Hộ.
 - Năng Hộ nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Mục Đa.
 - Mục Đa nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Cự Hê.
 - Cự Hê nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Pháp Cao.
 - Pháp Cao nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Căn Hộ.
 - Căn Hộ nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Kỳ Đa.
 - Kỳ Đa nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Thọ-đề-đà-bà.
 - Thọ-đề-đà-bà nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Đà-bà-ba-la.
 - Đà-bà-ba-la nghe từ ai?
 - Nghe từ Tôn giả Ưu-ba-ly.
 - Ưu-ba-ly nghe từ ai?
 - Nghe từ Phật.
 - Phật nghe từ ai?
 - Ngài tự giác ngộ không có thấy, cũng không nghe từ ai cả. Phật có vô lượng trí tuệ, vì lợi ích cho chúng sinh nên Ngài trao truyền cho Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly trao cho Đà-bà-ba-la. Đà-bà-ba-la trao cho Thọ-đề-đà-bà. Thọ-đề-đà-bà lần lượt trao xuống Tôn giả Đạo Lực, rồi Đạo Lực trao cho tôi và những người khác.

Kệ tóm tắt:

*“Chúng ta nhờ thầy dạy,
 Nghe từ Đấng Vô Thượng.
 Giữ gìn đọc tụng Luật.*

*Pháp Hiền Thánh tuân hành.
Pháp tạng của Thế Tôn,
Kế thừa sau Thích Ca.
Mỗi người phải tuân thủ,
Để chánh pháp còn mãi”.*

Đó gọi là năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp tạng.

